TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DS-ST
Ngày: 24-5-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm.

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2019/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nhan Bảo A; nơi cư trú: ấp K, xã Đ, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

Anh Trần Hồ N; nơi cư trú: đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền ngày 15/10/2018); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Minh Q; nơi cư trú: đường P, Phường B, thành phố V tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2018, 15/10/2018 của anh Nhan Bảo A và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trần Hồ N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Nhan Bảo A và anh Đặng Minh Q là bạn học chung Đại học, anh Q hỏi vay tiền của anh Bảo A nhưng không gặp trực tiếp mà chỉ qua điện thoại, cũng không có làm biên nhận nợ. Anh Bảo A giao tiền bằng hình thức chuyển khoản cho anh Q 03 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 30/5/2017 chuyển khoản 100.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 04/7/2017 chuyển khoản 25.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 21/02/2018 chuyển khoản 25.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 02 tháng.

Lãi suất: 20%/năm.

Mục đích vay: Tiêu dùng.

Tài sản thế chấp: Không.

Ngày 21/3/2018, anh Q trả cho anh Bảo A 10.000.000 đồng bằng tiền mặt cho khoản vay ngày 21/02/2018. Anh Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên anh Bảo A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Q trả cho anh Bảo A số tiền 163.974.500 đồng. Trong đó:

Tiền vốn còn nợ: 140.000.000 đồng.

Tiền lãi chậm trả: 23.974.500 đồng. Trong đó:

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 30/5/2017. Tiền lãi được tính từ ngày 01/8/2017 đến 24/5/2019: Thành tiền: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 661 ngày : 30 = 18.066.333 đồng.

Đối với khoản vay 25.000.000 đồng ngày 04/7/2017. Tiền lãi được tính từ ngày 05/9/2017 đến 24/5/2019. Thành tiền: 25.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 626 ngày : 30 = 4.281.417 đồng.

Đối với khoản vay 15.000.000 đồng ngày 21/02/2018. Tiền lãi được tính từ ngày 22/4/2018 đến 24/5/2019. Thành tiền: 15.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 397 ngày : 30 = 1.626.800 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Đặng Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của anh Nhan Bảo A về việc yêu cầu anh Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả cho anh Bảo A số tiền vốn vay còn nợ 140.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là chứng từ giao dịch và giấy nộp tiền tại Ngân hàng Agribank và Vietcombank để nộp tiền vào tài khoản của bị đơn Đặng Minh Q 03 lần với số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 21/3/2018, anh Q trả được 10.000.000 đồng tiền vốn của khoản vay ngày 21/02/2018 rồi ngưng không

thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Bảo A theo đúng thỏa thuận. Do đó, anh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của anh Bảo Anh là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc anh Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả cho anh Nhan Bảo A số tiền vốn vay còn nợ 140.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi chậm trả của anh Nhan Bảo A.

Về tiền lãi: Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử là có căn cứ. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,83%//tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 30/5/2017. Tiền lãi tính từ ngày 01/8/2017 đến 24/5/2019. Thành tiền: [100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 661 ngày (từ ngày 01/8/2017 đến 24/5/2019)] : 30 = 18.066.333 đồng.

Đối với khoản vay 25.000.000 đồng ngày 04/7/2017. Tiền lãi tính từ ngày 05/9/2017 đến 24/5/2019. Thành tiền: [25.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 626 ngày (từ ngày 05/9/2017 đến 24/5/2019)] : 30 = 4.281.417 đồng.

Đối với khoản vay 15.000.000 đồng (25.000.000 đồng - 10.000.000 đồng) ngày 21/02/2018. Tiền lãi tính từ ngày 22/4/2018 đến 24/5/2019. Thành tiền: [15.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 397 ngày (từ ngày 22/4/2018 đến 24/5/2019)] : 30 = 1.626.800 đồng.

Tổng số tiền lãi chậm trả là 23.974.500 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn vay còn nợ và tiền lãi mà anh Đặng Minh Q phải có nghĩa vụ trả cho anh Nhan Bảo A là 163.974.500 đồng.

Bị đơn Đặng Minh Q không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 163.974.500 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 8.198.700 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 147, khoản 2 Điều 92 Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nhan Bảo A.

Buộc anh Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả cho anh Nhan Bảo A số tiền vốn vay còn nợ 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), lãi 23.974.500đ (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng), tổng cộng vốn và lãi 163.974.500đ (một trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

Buộc anh Đặng Minh Q phải chịu 8.198.700đ (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nhan Bảo A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh Nhan Bảo A 3.906.000đ (ba triệu chín trăm lẻ sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004135 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nơi bị đơn cư trú.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan